

Ngoài ra, trong vụ án còn những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhưng không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ tháng 10/2021 đến tháng 8/2022, do có mối quan hệ quen biết nhau từ trước nên **Phạm Thị Thúy H** đã đưa ra thông tin gian dối không có thật về việc **H** có kinh doanh mua bán hải sản tại **chợ Trung tâm thương mại thành phố P** và các huyện để vay mượn tiền của các bị hại **Tôn Nữ K**, **Phan Thị Kim O**, **Huỳnh Thị Đ** và **Trần Thị Mai S** để kinh doanh mua bán với tổng số tiền là 1.557.000.000đ rồi chiếm đoạt. Cụ thể như sau:

1. Chiếm đoạt số tiền 1.180.000.000đ của bà **Tôn Nữ Kim K** (SN: 1979, trú tại **C T, phường A, quận A, thành phố Hồ Chí Minh**)

Do có quan hệ quen biết từ trước, nên **Phạm Thị Thúy H** đã nhiều lần vay mượn tiền của chị **K**, các lần vay trước này **H** đều trả tiền đầy đủ và sòng phẳng cho chị **K**.

Đến tháng 10/2021, **H** đã nhiều lần liên lạc, đặt vấn đề vay mượn tiền của chị **K** để kinh doanh mua bán cá bỏ si tại **chợ T** và các huyện. Để tạo lòng tin, **H** đã đưa chị **K** đến kho cá tại **xã D, thành phố P** giới thiệu **H** là chủ vừa cá và **H** kinh doanh mua bán cá chung với em ruột là **Phạm Minh S1** (SN: 1978, trú **tổ C, phường Y, thành phố P**). Tin tưởng là thật nên từ ngày 07/10/2021 đến tháng 02/2022, chị **K** đã nhiều lần chuyển tiền cho **H** mượn với tổng số tiền 4.425.180.000đ. Từ ngày 8/10/2021 đến ngày 07/02/2022, **H** đã trả tiền gốc và lãi suất cho chị **K** với tổng số tiền là 3.895.850.000đ, còn nợ lại số tiền 1.180.000.000đ, sau đó **H** nhiều lần hứa hẹn và né tránh không trả nợ theo cam kết.

Đến ngày 01/8/2022, chị **K** đã đến nhà **H** đối chiếu và chốt lại nợ, xác định **H** còn nợ chị **K** số tiền 1.180.000.000đ. **H** đã viết ký vào giấy mượn tiền với nội dung “ngày 1/8/2022, **Phạm Thị Thúy H**.. có mượn của **Tôn Nữ Kim K** số tiền 1.180.000.000đ, hẹn trong vòng 3 tháng sẽ hoàn trả, lãi xuất thỏa thuận” rồi đưa cho chị **K** giữ.

Ngoài ra, chị **K** còn cung cấp hai giấy vay mượn tiền vào ngày 25/10/2021 **H** vay 500.000.000đ và ngày 20/11/2021 **H** vay 500.000.000đ. Số

tiền trong hai giấy vay mượn tiền này đã được tính và chốt lại trong giấy mượn tiền ngày 01/8/2022 với tổng số tiền là 1.180.000.000đ.

Sau khi chốt nợ, **H** cam kết sẽ bán căn nhà **số B N, thành phố P** để trả nợ cho chị **K**, nhưng đến hạn trả nợ thì **H** đã cắt liên lạc với chị **K** và bỏ đi khỏi địa phương. Ngày 12/01/2023 **H** đã bán căn nhà trên (căn nhà đứng trên 04 thửa đất liền kề gồm thửa đất số 325, số 440, **số C, số D tại phường D, thành phố P**) cho ông **Phạm Thanh S2** (SN: 1987. Trú **Tổ A, phường I, thành phố P**), ông **S2** nhờ **Phạm Thanh T1** là em trai đứng tên nhận chuyển nhượng 03 thửa đất số 325, số 381, 443 với số tiền là 9.600.000.000đ và ông **Nguyễn Mạnh C** (SN:1967. Trú **G16 Ngô Thị N, H, Cầu Đ, Hà Nội**) nhận chuyển nhượng 01 thửa đất số 440 với giá 3.200.000.000đ.

Do **Phạm Thị Thúy H** không thực hiện việc trả nợ theo cam kết và bỏ trốn đi khỏi địa phương nên ngày 16/3/2023, chị **K** đã làm đơn tố giác.

Đối với số tiền **H** đã vay của chị **K**, **H** không chứng minh được vào việc mua bán, kinh doanh gì, qua điều tra xác định **H** đã sử dụng tiền vay của chị **K** trả lãi và gốc cho chính chị **K** và trả nợ cho những khác.

2. Chiếm đoạt số tiền 300.000.000đ của chị **Phan Thị Kim O**, (SN: 1974, trú tại **F N- Tp P- Gia Lai**)

Do có quan hệ quen biết từ trước, nên trước đây **Phạm Thị Thúy H** đã nhiều lần vay mượn tiền của chị **Phan Thị Kim O** nhưng các lần vay mượn này **H** đều thanh toán đầy đủ, dứt điểm.

Ngày 28/01/2022, **Phạm Thị Thúy H** đến nhà gặp chị **O**, đặt vấn đề vay số tiền 300.000.000đ để kinh doanh mua bán cá bỏ sỉ bán tết tại **chợ T thành phố P** và các huyện trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Do trước đây được **H** đưa đến kho cá tại **xã D, thành phố P** giới thiệu kinh doanh chung với em ruột là **Phạm Minh S1** nên **O** tin tưởng là thật đã cho **Phạm Thị Thúy H** mượn số tiền 300.000.000đ, chị **O** đã đưa cho **H** số tiền này bằng tiền mặt, **H** đã ký nhận vào 01 giấy mượn tiền với nội dung “ngày 28/1/2022.. có mượn của **Phan Thị Kim O** số tiền 300.000.000đ, nội dung vay mua hàng, thời hạn trả 10 ngày”

Đến hạn trả nợ thì **H** trốn tránh không thực hiện việc trả nợ theo cam kết nên ngày 01/8/2022, chị **Phan Thị Kim O** đến nhà **Phạm Thị Thúy H** để yêu cầu trả nợ, **H** đưa ra lý do bị dịch Covid 19 nên không đi bán được cá nên không thu được tiền để trả nợ. **H** cam kết sẽ bán nhà **số B N, thành phố P** để trả nợ cho chị **O** và ký chốt vào giấy mượn tiền nội dung “hôm nay ngày 1/8/2022, **Phạm Thị Thúy H**.. có mượn của **Phan Thị Kim O** số tiền 300.000.000đ (ba trăm triệu

đồng) hẹn đến ngày 1/10/2022 sẽ hoàn trả tiền lãi và gốc” (Giấy vay nợ này thay thế cho giấy vay nợ vào ngày 28/01/2022).

Tuy nhiên, khi đến thời hạn trả nợ, **Phạm Thị Thúy H** đã tắt điện thoại liên lạc và bỏ đi khỏi địa phương. Đến tháng 3/2023, chị **O** biết **H** đã bán căn nhà **số B** trên cho người khác mà không trả nợ cho mình theo như cam kết nên 29/3/2023, chị **O** đã làm đơn tố giác đối với **Phạm Thị Thúy H**.

H không thừa nhận khi vay tiền của chị **O**, **H** đã đưa ra thông tin là vay tiền để mục đích kinh doanh mua bán cá mà **H** khai khi mượn tiền của chị **O**, **H** chỉ đưa ra thông tin là vay tiền để mục đích kinh doanh, tuy nhiên sau khi vay mượn được tiền của chị **O**, **H** khai số đã sử dụng số tiền này vào việc kinh doanh mua bán đèn điện sân khấu, nhưng do người mua hàng ở thành phố Hồ Chí Minh bị Covid-19 chết nên **H** không có tiền trả nợ, tuy nhiên **H** không cung cấp được tài liệu chứng minh nội dung này, không xác định được người này là ai.

3. Chiếm đoạt số tiền 47.000.000đ của chị **Huỳnh Thị Đ** (SN: 1986, trú E18 T, phường P, Tp ., Gia Lai)

Thông qua các mối quan hệ xã hội từ trước, nên chị **Huỳnh Thị Đ** quen biết với **Phạm Thị Thúy H**. **H** giới thiệu với chị **Đ** là **H** có kinh doanh mua bán cá tại **chợ trung tâm thương mại thành phố P** rồi nhiều lần đặt vấn đề vay mượn tiền của chị **Đ** để kinh doanh mua bán cá, quá trình vay mượn **H** thường xuyên chụp hình ảnh **H** đang buôn bán cá ngoài chợ để gửi cho chị **Đ** xem. Tin tưởng là thật nên từ ngày 03/8/2021 đến ngày 27/10/2021, chị **Đ** đã nhiều lần chuyển số tiền 309.000.000đ vào tài khoản 040115021976 và tài khoản 5001205069401 của **Phạm Thị Thúy H** để cho **H** mượn, mỗi lần chuyển khoản từ 10.000.000đ đến 100.000.000đ. Sau đó **H** có chuyển trả lại tiền lãi và gốc cho chị **Đ** nhiều lần. Do đó, đến tháng 12/2021, chị **Đ** và **H** đối chiếu, chốt nợ xác định **H** còn nợ chị **Đ** 181.000.000đ. **H** hứa hẹn bán nhà 220 **N, thành phố P, Gia Lai** để trả nợ cho chị **Đ**. Tuy nhiên, sau khi bán nhà 220 **Nguyễn Văn C1** thì **H** không trả nợ cho chị **Đ** theo hứa hẹn mà bỏ đi khỏi địa phương. Đến ngày 19/3/2024, chị **Huỳnh Thị Đ** đã làm đơn tố giác **Phạm Thị Thúy H** có hành vi chiếm đoạt số tiền 100.000.000đ, sau đó chị **Đ** xác nhận lại **Phạm Thị Thúy H** chỉ chiếm đoạt số tiền còn nợ lại là 74.500.000đ.

Quá trình điều tra, **Phạm Thị Thúy H** không thừa nhận số tiền còn nợ lại đối với chị **Đ** là 74.500.000đ mà chỉ thừa nhận còn nợ lại 47.000.000đ. Vì các giao dịch chuyển tiền thường xuyên qua lại bằng chuyển khoản và tiền mặt, nên không bóc tách được cụ thể **Đ** đã đưa cho **H** mượn bao nhiêu tiền, **H** đã trả lại

cho **D** bao nhiêu tiền, do đó chỉ xác định được số tiền **H** còn nợ lại chị **D** là 47.000.000đ.

4. Chiếm đoạt số tiền 30.000.000đ của chị **Trần Thị Mai S**, (sinh năm 1977, trú **162/64/22 T, phường P, tp P, Gia Lai**)

Chị **Trần Thị Mai S** có quan hệ quen biết với **Phạm Thị Thúy H** từ năm 2012. **Phạm Thị Thúy H** giới thiệu với chị **S**, **H** là chủ vừa cá ở chợ đêm. Ngày 21/02/2022, **H** đặt vấn đề với chị **S** hỏi mượn 30.000.000đ để trả tiền cho nhân viên làm ở kho cá, thời hạn 03 ngày sẽ trả lại tiền cho chị **S**. Do thấy gia đình **Phạm Thị Thúy H** có kinh doanh mua bán cá, tin tưởng là thật nên chị **S** đồng ý cho **H** mượn tiền. Chị **S** đã chuyển 30.000.000đ vào tài khoản số 040115021976 của **Phạm Thị Thúy H**.

Sau khi vay mượn tiền thì **H** không trả nợ như cam kết nên chị **S** yêu cầu **H** viết giấy nhận nợ. Lúc này **H** có nhờ chị **S** vay mượn thêm cho **H** 50.000.000đ thì **H** sẽ trả luôn tiền lãi là 20.000.000đ, **H** đã viết giấy mượn tiền 100.000.000đ. Nhưng sau đó **S** không vay được thêm được 50.000.000đ cho **H** nên không tính lãi khoản tiền này, do đó cả hai chốt lại **H** còn nợ **S** 30.000.000đ.

Khi đến thời hạn trả nợ **H** nhiều lần hứa hẹn bán nhà 220 **Nguyễn Văn C1, thành phố P** để trả nợ cho chị **S** nhưng không thực hiện theo cam kết. Đến tháng 01/2023, sau khi bán căn nhà trên **Phạm Thị Thúy H** đã đi khỏi địa phương. Ngày 14/3/2024, chị **Trần Thị Mai S** đã làm đơn tố giác đối với **H**.

Tại Kết luận giám định số 470/KL-KTHS ngày 02/6/2023 và 654/KL-KTHS ngày 10/7/2024 của **Phòng K1 Công an tỉnh G** kết luận, chữ viết, chữ ký của **Phạm Thị Thúy H** tại các Giấy vay mượn tiền đối với **Tôn Nữ Kim K, Phan Thị Kim O, Trần Thị Mai S** là do cùng một người ký và viết ra.

Ngoài ra, quá trình điều tra còn xác định được Trong thời gian **Phạm Thị Thúy H** vay mượn tiền của chị **Tôn Nữ Kim K, Phan Thị Kim O, Huỳnh Thị Đ** và **Trần Thị Mai S** thì **H** còn vay mượn tiền của nhiều người khác, quá trình vay mượn tiền thì **H** có nhận tiền của những người này thông qua hình thức chuyển khoản, sau đó **H** đã trả lại tiền lãi và gốc cho những người này bằng hình thức chuyển khoản thông qua tài khoản ngân hàng của **Phạm Thị Thúy H** gồm số tài khoản 040115021976 của **ngân hàng S3 chi nhánh G**; số 40001010838867 của **ngân hàng H4 chi nhánh G**; số 5001205069410 và số 5001205069401 của **ngân hàng N1 chi nhánh G**.

Cụ thể trong thời gian giao dịch vay mượn tiền giữa **Phạm Thị Thúy H** và chị **K, Oanh Đ1** và **S** thì **H** còn giao dịch vay mượn tiền của những người sau:

- Với anh **Lưu Thế Q** (SN: 1965. Trú tại **tổ C, phường T, thành phố P**): Do có quen biết với vợ chồng anh **Lưu Thế Q** nên **Phạm Thị Thúy H** có quan hệ vay mượn tiền từ năm 2017. Từ ngày 8/10/2021 đến ngày 16/01/2023 **Phạm Thị Thúy H** đã nhiều lần hỏi vay tiền của anh **Q** để mua bán kinh doanh cá và kinh doanh quán nhậu. Do các lần vay mượn tiền trước đó **H** đều trả nợ đúng cam kết nên anh **Q** đã tin tưởng cho mượn tiền, trong thời gian này anh **Q** đã nhiều lần cho **H** mượn thông qua chuyển khoản là 1.692.400.000đ và thông qua mượn tiền mặt (vì đã lâu nên anh **Q** không nhớ cụ thể là mượn bao nhiêu tiền). Sau đó **H** đã nhiều lần trả lại tiền cho anh **Quang thông Q1** chuyển khoản với tổng số tiền 2.126.000.000đ, đến nay anh **Q** xác định **H** còn nợ lại anh **Q** là 300.000.000đ.

- Đối với ông **Phạm Minh S1** (SN: 1978, trú **tổ C, phường Y, thành phố P**, là em ruột của **Phạm Thị Thúy H**): Ông **S1** kinh doanh mua bán thủy sản, đồ chiên đông lạnh từ năm 2013 đến nay. Từ ngày 11/4/2021 đến ngày 10/1/2022, ông **S1** đã nhiều lần chuyển tiền cho **Phạm Thị Thúy H** vay mượn và trả nợ với tổng số tiền giao dịch là 2.529.622.000đ. Trong thời gian này, **H** cũng cũng nhiều lần chuyển trả lại cho **S1** với tổng số tiền là 3.455.871.000đ (bao gồm tiền nợ trước thời điểm này). Khi mượn tiền **H** chỉ nói mượn tiền để kinh doanh không nói rõ là kinh doanh gì. Trước giờ **H** không có góp vốn tham gia hoạt động kinh doanh mua bán thủy sản với ông **S1**. Đối với các khoản vay mượn tiền giữa **H** và **S1** thì ông **S1** không xác định được khoản nào là ông **S1** trả, khoản nào là ông **S1** cho **H** mượn.

- Với chị **Nguyễn Thị Kim H3** (SN: 1986. Trú **Tổ E, phường Y, thành phố P**): Chị **H3** có quan hệ quen biết với **Phạm Thị Thúy H** thông qua con gái của **H**. Quá trình quen biết, **H** giới thiệu với **H3** là có kinh doanh quán nhậu và có kinh doanh mua bán cá tại chợ đêm. Từ tháng 10/2021 đến tháng 2/2022, **H** đã nhiều lần đặt vấn đề hỏi vay mượn tiền của chị **H3** để kinh doanh mua bán cá tại chợ đêm, tin tưởng là thật nên chị **H3** đã nhiều lần chuyển tiền vào tài khoản 5001205069401 cho **Phạm Thị Thúy H** vay với tổng số tiền là 1.405.638.000đ sau đó từ tháng 10/2021 đến tháng 2/2022 **H** chuyển trả nhiều lần cho chị **H3** với tổng số tiền là 2.638.420.000đ (bao gồm tiền nợ trước thời điểm này). Hiện **H** đã thanh toán hết tiền nợ cho chị **H3**.

- Với ông **Phạm Minh Q2** (SN: 1975. Trú **tổ A, phường Y, thành phố P**): Từ tháng 4/2021 đến tháng 2/2022, **H** đã nhiều lần đặt vấn đề vay mượn tiền của ông **Q2** để kinh doanh quán nhậu nên ông **Q2** đã nhiều lần chuyển tiền vào tài khoản 5001205069401 của **H** để cho **H** vay với tổng số tiền khoảng 1.400.000.000đ, cũng trong thời gian này **H** đã chuyển trả cho ông **Q2** nhiều lần

tiền với tổng số tiền là 1.317.596.000đ. Hiện H đã thanh toán hết tiền nợ cho ông Q2.

Ngoài ra, từ ngày 09/04/2021 đến ngày 15/01/2022 Phạm Thị Thúy H còn có nhiều lần giao dịch mua bán vàng thông qua hình thức chuyển khoản và giao dịch tiền bằng cách H chuyển khoản rồi rút tiền mặt đối với vợ chồng anh Bùi Văn Đ2 (SN: 1988) và chị Trần Duy T2 V1 cùng trú tổ C, phường T, thành phố P) với tổng số tiền là 930.739.000đ.

* Vật chứng thu giữ:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note8.

* Về dân sự:

- Bà K yêu cầu Phạm Thị Thúy H trả lại 1.180.000.000đ.

- Bà O yêu cầu Phạm Thị Thúy H trả lại 300.000.000đ.

- Bà Huỳnh Thị Đ yêu cầu Phạm Thị Thúy H trả lại 74.500.000đ.

- Bà Trần Thị Mai S yêu cầu Phạm Thị Thúy H trả lại 30.000.000đ.

Đến nay Phạm Thị Thúy H chưa bồi thường cho các bị hại.

Bản án hình sự sơ thẩm số 05/20225/HS-ST ngày 27/2/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đã quyết định:

1. Về tội danh và hình phạt: Tuyên bố bị cáo Phạm Thị Thúy H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Phạm Thị Thúy H 12 (Mười hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10/5/2024.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định phân xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự, án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 03 tháng 03 năm 2025, bị cáo Phạm Thị Thúy H đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Luật sư đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo bị cáo H và sửa bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị: Không chấp nhận kháng cáo bị cáo Hà và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo có trong hồ sơ vụ án và phù hợp với các chứng cứ khác nên có đủ cơ sở xác định:

Trong thời gian từ tháng 8/2021 đến tháng 8/2022, vì áp lực phải trả nợ cho ngân hàng và nhiều người khác nên **Phạm Thị Thúy H** đã đưa ra thông tin gian dối là cần tiền để kinh doanh mua bán, làm cho các bị hại **Tôn Nữ K, Phan Thị Kim O, Huỳnh Thị Đ** và **Trần Thị Mai S** tin là thật từ đó cho **Phạm Thị Thúy H** vay tổng số tiền 1.575.000.000đ, sau đó **H** đã chiếm đoạt toàn bộ số tiền này.

Do đó, Bản án hình sự sơ thẩm số 05/20225/HS-ST ngày 27/2/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đã xét xử bị cáo **Phạm Thị Thúy H** về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” với tình tiết định khung “Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ của bị cáo **H**, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.2] Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, gây thiệt hại về tài sản cho các bị hại và gây ảnh hưởng xấu đến trật tự xã hội.

[2.3] Tình tiết tăng nặng: Bị cáo nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội nên bị áp dụng tình tiết “Phạm tội từ 02 lần trở lên” theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[2.4] Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo có nhân thân tốt, thành khẩn khai báo, đã khắc phục hậu quả với các bị hại **Tôn Nữ K, Phan Thị Kim O** và được các bị hại này xin giảm nhẹ hình phạt, sức khỏe yếu bị bệnh tim nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[2.5] Từ những phân tích trên, căn cứ tính chất, mức độ, hành vi, hậu quả, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân; Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Hà giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần

hình phạt là phù hợp với đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng .

[3] Theo quy định Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị cáo **H** phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Phạm Thị Thúy H** và giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm.

1. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo **Phạm Thị Thúy H** 12 (Mười hai) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10/5/2024.

2. Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo **Phạm Thị Thúy H** phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Gia Lai
- Cơ quan CSTHAHS - CA tỉnh Gia Lai
- Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai
- Cục THADS tỉnh Gia Lai
- Trại tạm giam CA tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo;
- Lưu HSVA, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Thường